

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh và phân bổ dự toán ngân sách trung ương vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... /... /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án điều chỉnh và phân bổ dự toán ngân sách trung ương vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết năm 2023, cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

i) Dự toán chưa giải ngân hết năm 2023 (gồm năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023).

- Điều chỉnh giảm: 60.812,68 triệu đồng
- Điều chỉnh tăng: 60.812,68 triệu đồng
- Dự toán phân bổ sau điều chỉnh: 269.911 triệu đồng (biểu 01 đính kèm)

ii) Dự toán năm 2024.

- Điều chỉnh giảm: 56.150 triệu đồng
- Điều chỉnh tăng: 56.150 triệu đồng
- Dự toán phân bổ sau điều chỉnh: 188.421 triệu đồng (biểu 02 đính kèm)

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết năm 2023.

- Điều chỉnh giảm: 2.570,2634 triệu đồng
- Điều chỉnh tăng: 2.570,2634 triệu đồng
- Dự toán phân bổ sau điều chỉnh: 38.798,2257 triệu đồng (biểu 03 đính kèm).

3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

i) Dự toán chưa giải ngân hết năm 2023 (gồm năm 2021, 2022 chuyển nguồn sang năm 2023).

- Điều chỉnh giảm: 11.009,34 triệu đồng
- Điều chỉnh tăng: 11.009,34 triệu đồng
- Dự toán phân bổ sau điều chỉnh: 206.062 triệu đồng (biểu 04 đính kèm).

ii) Dự toán năm 2024.

- Điều chỉnh giảm: 3.164 triệu đồng
- Điều chỉnh tăng: 3.164 triệu đồng
- Dự toán phân bổ sau điều chỉnh: 146.655 triệu đồng (biểu 05 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
Nông nghiệp & PTNT;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT TU, TT HĐND, UBND. UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, Ban KTNS, Ban Dân tộc.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

DỰ TOÁN PHÂN BỐ SAU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CHƯA GIẢI NGÂN HẾT NĂM 2023 (GỒM VỐN NĂM 2022 CHUYỂN SANG)

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: triệu đồng

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG		269.911	64.431,214	4.730	18.706,236	167.648,85	14.394,70
	<i>Trong đó</i>							
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Mã số 0511)		17.069,80	1.928			13.481,80	1.660
		UBND huyện Cam Lộ	124,80				118,80	6
		UBND huyện Đakrông	3.414				2.845	569
		UBND huyện Hướng Hóa	10.197	1.928			7.242	1.027
		UBND huyện Gio Linh	1.859				1.801	58
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.475				1.475	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Mã số 0512)		5.634				5.634	
		UBND huyện Đakrông	4.550				4.550	
		UBND huyện Hướng Hóa	1.084				1.084	
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Mã số 0513)		105.220,05				105.220,05	
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		48.471,05				48.471,05	
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa	7.640				7.640	
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông	6.651				6.651	
		BQL rừng phòng hộ Hướng Hóa	9.952				9.952	
		BQL RPH Lưu vực sông Bến Hải	8.254,05				8.254,05	
		Bộ chỉ huy BDBP	2.326				2.326	
		UBND huyện Đakrông	7.836				7.836	
		UBND huyện Hướng Hóa	5.735				5.735	
		UBND huyện Vĩnh Linh	77				77	
3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		56.749				56.749	
		Sở Công Thương	1.162				1.162	
		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	1.055				1.055	
		UBND huyện Cam Lộ	222				222	
		UBND huyện Đakrông	24.184				24.184	
		UBND huyện Hướng Hóa	25.218				25.218	
		UBND huyện Gio Linh	1.453				1.453	
		UBND huyện Vĩnh Linh	3.455				3.455	

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc (Mã số 0514)		38.488				38.488	
4.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		38.488				38.488	
		UBND huyện Cam Lộ	73				73	
		UBND huyện Đakrông	4.792				4.792	
		UBND huyện Hướng Hóa	30.469				30.469	
		UBND huyện Gio Linh	398				398	
		UBND huyện Vĩnh Linh	2.756				2.756	
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Mã số 0515)		62.503,214	62.503,214				
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.		41.427,614	41.427,614				
		Sở Giáo dục và Đào tạo	32.823,679	32.823,679				
		UBND huyện Cam Lộ	139	139				
		UBND huyện Đakrông	4.182	4.182				
		UBND huyện Hướng Hóa	1.621	1.621				
		UBND huyện Gio Linh	609,935	609,935				
		UBND huyện Vĩnh Linh	2.052	2.052				
5.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.		284	284				
		Ban Dân tộc	284	284				
5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.		14.492,6	14.492,6				
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.676	3.676				
		UBND huyện Cam Lộ	182	182				
		UBND huyện Đakrông	3.287	3.287				
		UBND huyện Hướng Hóa	5.177	5.177				
		UBND huyện Gio Linh	417,6	417,6				
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.753	1.753				
5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		6.299	6.299				
		Ban Dân tộc	2.000	2.000				
		UBND huyện Cam Lộ	16	16				
		UBND huyện Đakrông	769	769				
		UBND huyện Hướng Hóa	2.855	2.855				
		UBND huyện Gio Linh	192	192				
		UBND huyện Vĩnh Linh	467	467				
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Mã số 0516)		11.279,233			11.279,233		
		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5.024			5.024		
		UBND huyện Cam Lộ	212			212		
		UBND huyện Đakrông	2.556			2.556		
		UBND huyện Hướng Hóa	2.440			2.440		
		UBND huyện Gio Linh	355,233			355,233		

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		UBND huyện Vĩnh Linh	692			692		
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Mã số 0517)		4.730		4.730			
		Sở Y tế	4.730		4.730			
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Mã số 0518)		12.639				2.180	10.459
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	6.249				1.711	4.538
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	70					70
		UBND huyện Cam Lộ	39					39
		UBND huyện Đakrông	2.307					2.307
		UBND huyện Hướng Hóa	3.315				469	2.846
		UBND huyện Gio Linh	194					194
		UBND huyện Vĩnh Linh	465					465
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (Mã số 0519)		3.165,7				890	2.275,7
9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù							
9.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		3.165,7				890	2.275,7
		Ban Dân tộc	1.448				424	1.024
		UBND huyện Cam Lộ	287				77	210
		UBND huyện Đakrông	442				119	323
		UBND huyện Hướng Hóa	442				119	323
		UBND huyện Gio Linh	287,7				81	206,7
		UBND huyện Vĩnh Linh	259				70	189
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (Mã số 0521)		9.182,003			7.427,003	1.755	
10.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.		5.900,003			5.900,003		
		Ban Dân tộc	1.445,003			1.445,003		
		Sở Thông tin và truyền thông	300			300		
		Sở Tư pháp	300			300		
		UBND huyện Đakrông	564			564		
		UBND huyện Hướng Hóa	3.006			3.006		
		UBND huyện Gio Linh	47			47		
		UBND huyện Vĩnh Linh	238			238		
10.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		1.487			1.487		
		Ban Dân tộc	150			150		
		Liên minh hợp tác xã	380			380		

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		UBND huyện Đakrông	368			368		
		UBND huyện Hướng Hóa	465			465		
		UBND huyện Gio Linh	31			31		
		UBND huyện Vĩnh Linh	93			93		
10.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.		1.795			40	1.755	
		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	120				120	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	40				40	
		Ban Dân tộc	526				526	
		Sở Y tế	20				20	
		Sở Tài chính	80				80	
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150				150	
		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	170			40	130	
		Sở Giáo dục và Đào tạo	20				20	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	20				20	
		UBND huyện Cam Lộ	13				13	
		UBND huyện Đakrông	250				250	
		UBND huyện Hướng Hóa	311				311	
		UBND huyện Gio Linh	23				23	
		UBND huyện Vĩnh Linh	52				52	

DỰ TOÁN PHÂN BỐ SAU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ -XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

DVT: triệu đồng

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng		188.421	29.293	4.905	22.523	117.968	13.732
	Trong đó							
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Mã số 0511)		11.134	-	-	-	11.134	-
		UBND huyện Đakrông	3.100				3.100	
		UBND huyện Hướng Hóa	7.414				7.414	
		UBND huyện Gio Linh	201				201	
		UBND huyện Vĩnh Linh	419				419	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Mã số 0512)		2.000	-	-	-	2.000	-
		UBND huyện Đakrông	2.000				2.000	
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Mã số 0513)		86.833	-	-	-	86.833	-
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		25.085	-	-	-	25.085	-
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa	262				262	
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông	241				241	
		BQL rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông	3.729				3.729	
		BQL RPH Lưu vực sông Bến Hải	3.365				3.365	
		UBND huyện Gio Linh	29				29	
		UBND huyện Đakrông	13.854				13.854	
		UBND huyện Hướng Hóa	3.550				3.550	
		UBND huyện Vĩnh Linh	55				55	
3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		61.748	-	-	-	61.748	-
		Ban Dân tộc	680				680	
		Sở Công Thương	1.200				1.200	
		UBND huyện Cam Lộ	307				307	
		UBND huyện Đakrông	23.852				23.852	
		UBND huyện Hướng Hóa	33.704				33.704	
		UBND huyện Gio Linh	2.005				2.005	

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc (Mã số 0514)		16.700	-	-	-	16.700	-
4.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		16.700	-	-	-	16.700	-
		UBND huyện Cam Lộ	90				90	
		UBND huyện Đakrông	6.367				6.367	
		UBND huyện Hướng Hóa	8.555				8.555	
		UBND huyện Gio Linh	495				495	
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.193				1.193	
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Mã số 0515)		29.293	29.293	-	-	-	-
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.		19.121	19.121	-	-	-	-
		Sở Giáo dục và Đào tạo	6.000	6.000				
		UBND huyện Cam Lộ	157	157				
		UBND huyện Đakrông	5.851	5.851				
		UBND huyện Hướng Hóa	4.598	4.598				
		UBND huyện Gio Linh	991	991				
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.524	1.524				
5.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.		1.156	1.156	-	-	-	-
		Ban Dân tộc	422	422				
		Sở Nội vụ	734	734				
5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.		2.800	2.800	-	-	-	-
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	300	300				
		UBND huyện Đakrông	1.042	1.042				
		UBND huyện Hướng Hóa	938	938				
		UBND huyện Vĩnh Linh	520	520				
5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		6.216	6.216	-	-	-	-
		Ban Dân tộc	2.500	2.500				
		UBND huyện Đakrông	1.411	1.411				
		UBND huyện Hướng Hóa	1.902	1.902				

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		UBND huyện Gio Linh	126	126				
		UBND huyện Vĩnh Linh	277	277				
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Mã số 0516)		18.195	-	-	18.195	-	-
		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7.277			7.277		
		UBND huyện Cam Lộ	168			168		
		UBND huyện Đakrông	1.405			1.405		
		UBND huyện Hướng Hóa	7.633			7.633		
		UBND huyện Gio Linh	633			633		
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.079			1.079		
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Mã số 0517)		4.905	-	4.905	-	-	-
		Sở Y tế	4.905		4.905			
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Mã số 0518)		10.806	-	-	-	-	10.806
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	5.330					5.330
		UBND huyện Cam Lộ	34					34
		UBND huyện Đakrông	1.999					1.999
		UBND huyện Hướng Hóa	2.872					2.872
		UBND huyện Gio Linh	168					168
		UBND huyện Vĩnh Linh	403					403
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (Mã số 0519)		2.926	-	-	-	-	2.926
9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù		-	-	-	-	-	-
9.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		2.926	-	-	-	-	2.926
		Ban Dân tộc	1.463					1.463
		UBND huyện Cam Lộ	243					243
		UBND huyện Đakrông	374					374
		UBND huyện Hướng Hóa	373					373
		UBND huyện Gio Linh	254					254
		UBND huyện Vĩnh Linh	219					219
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (Mã số 0521)		5.629	-	-	4.328	1.301	-

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.		3.208	-	-	3.208	-	-
		Ban Dân tộc	1.097			1.097		
		Sở Thông tin và truyền thông	330			330		
		Sở Tư pháp	322			322		
		UBND huyện Đakrông	565			565		
		UBND huyện Hướng Hóa	706			706		
		UBND huyện Gio Linh	47			47		
		UBND huyện Vĩnh Linh	141			141		
10.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		1.120	-	-	1.120	-	-
		Ban Dân tộc	200			200		
		Liên minh hợp tác xã	200			200		
		Sở Thông tin và truyền thông	-					
		UBND huyện Đakrông	277			277		
		UBND huyện Hướng Hóa	349			349		
		UBND huyện Gio Linh	24			24		
		UBND huyện Vĩnh Linh	70			70		
10.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.		1.301	-	-	-	1.301	-
		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	100				100	
		Ban Dân tộc	200				200	
		Sở Tài chính	50				50	
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150				150	
		Sở Giáo dục và Đào tạo	20				20	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	150				150	
		UBND huyện Cam Lộ	14				14	
		UBND huyện Đakrông	242				242	
		UBND huyện Hướng Hóa	302				302	
		UBND huyện Gio Linh	22				22	
		UBND huyện Vĩnh Linh	51				51	

DỰ TOÁN PHÂN BỐ SAU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2023 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Tổng	KP năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2024
a	b	1	2	3	4
	TỔNG SỐ		38.798,2257	11.351,2257	27.447
1	Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới (Mã 00491)		15.720,5181	7.871,5181	7.849
		Huyện Gio Linh	2.755,14	545,14	2.210
		Huyện Hướng Hóa	4.005,9	1.285,9	2.720
		Huyện Đakrông	2.726,316	856,316	1.870
		Huyện Cam Lộ	609	-	609
		Huyện Triệu Phong	2.904,1621	2.684,1621	220
		Huyện Vĩnh Linh	220	-	220
		Huyện Hải Lăng	2.500	2.500	
2	Phát triển hạ tầng KT-XH, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền (Mã 00492)		2.584,7163	184,7163	2.400
		Sở Thông tin và Truyền thông	1.081,33	81,33	1.000
		Huyện Hướng Hóa	15,135	15,135	
		Huyện Vĩnh Linh	240,9041	40,9041	200
		Huyện Triệu Phong	203,371	3,371	200
		Huyện Gio Linh	227,66	27,66	200
		Huyện Hải Lăng	216,3162	16,3162	200

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Tổng	KP năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2024
		Huyện Cam Lộ	600		600
3	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn (Mã số 00493)		8.411,5378	1.301,5378	7.110
		Huyện Hướng Hóa	500	200	300
		Huyện Đakrông	636,567	6,567	630
		Huyện Cam lộ	330	-	330
		Huyện Gio Linh	662,81	122,81	540
		Huyện Vĩnh Linh	1.150,01	0,01	1.150
		Huyện Triệu Phong	1.150	-	1.150
		Huyện Hải Lăng	319,4297	19,4297	300
		Thị xã Quảng Trị	160	-	160
		Chi cục Trồng trọt và BV thực vật	805,398	805,398	
		Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và Du lịch	352,36	2,36	350
		Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	100	-	100
		Chi cục Phát triển nông thôn	932,3431	132,3431	800
		Liên minh HTX	252,77	2,77	250
		Sở Công Thương	150	-	150
		Sở Khoa học và công nghệ	906,2	6,2	900
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3,65	3,65	
4	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn (Mã số 00496)		2.604,4081	824,4081	1.780
		Huyện Hướng Hóa	0,005	0,005	
		Huyện Đakrông	140,000	-	140
		Huyện Cam lộ	1.129,202	809,202	320

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Tổng	KP năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2024
		Huyện Gio Linh	140,23	0,23	140
		Huyện Vĩnh Linh	285,033	5,033	280
		Huyện Triệu Phong	422,5208	2,5208	420
		Huyện Hải Lăng	141,83	1,83	140
		Thị xã Quảng Trị	140	-	140
		Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	205,5873	5,5873	200
5	Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam (Mã số 00497)		2.520,8	620,8	1.900
		Huyện Đakrông	100		100
		Huyện Cam lộ	570	320	250
		Huyện Gio Linh	250		250
		Huyện Vĩnh Linh	350		350
		Huyện Triệu Phong	450		450
		Huyện Hải Lăng	100		100
		Thị xã Quảng Trị	100		100
		Chi cục Bảo vệ môi trường	300	300	
		Sở Tài nguyên và Môi trường	300,8	0,8	300
6	Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (Mã số 00498)		103,5	3,5	100

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Tổng	KP năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2024
		Sở Tư pháp	103,5	3,5	100
7	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới (Mã số 00499)		1.451,02	1,02	1.450
		Huyện Triệu Phong	100		100
		Huyện Vĩnh Linh	100		100
		Huyện Hải Lăng	100		100
		Huyện Cam Lộ	50		50
		Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh	300,00		300,00
		Hội Nông dân	501,02	1,02	500,00
		Hội LHPN tỉnh	150,00		150,00
		Tinh Đoàn Thanh niên	150,00		150,00
8	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn (Mã số 00501)		630		630
		Công an tỉnh	630		630
9	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới (Mã số 00502)		4.771,7254	543,7254	4.228
		Huyện Hướng Hóa	397,3937	112,3937	285
		Huyện Đakrông	196,6230	16,6230	180
		Huyện Cam lộ	205	-	205
		Huyện Gio Linh	225	-	225
		Huyện Vĩnh Linh	434,6297	34,6297	400
		Huyện Triệu Phong	452,9914	157,9914	295
		Huyện Hải Lăng	335,1099	60,1099	275

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Tổng	KP năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2024
		Thị xã Quảng Trị	40	-	40
		Văn phòng Điều phối NTM tỉnh	1.869,6177	6,6177	1.863
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	190,75	40,75	150,00
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	115,62	65,62	50,00
		Sở Tài chính	46,42	46,42	
		Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường	102,57	2,57	100,00
		Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	100	-	100
		Cục Thống kê	60	-	60

DỰ TOÁN PHÂN BỐ SAU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHƯA GIẢI NGÂN HẾT NĂM 2023 (GỒM VỐN NĂM 2022 CHUYỂN SANG)

(Kèm theo Nghị quyết số : /NQ-HĐND ngày / /2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG		206.062	47.955,105	4.241,275	16.392,605	137.473,015
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (Mã số CTMT: 0471)		17.597				17.597
1.1	TDA 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		17.597				17.597
-	Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo		8.595				8.595
		UBND huyện Đakrông	8.595				8.595
-	Hoạt động 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.		9.002				9.002
		UBND huyện Hải Lăng	2.400				2.400
		UBND huyện Gio Linh	2.100				2.100
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	4.502				4.502
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Mã số CTMT: 0472)		54.533,735				54.533,735
		UBND thành phố Đông Hà	1.910				1.910
		UBND thị xã Quảng Trị	894				894
		UBND huyện Triệu Phong	5.220				5.220
		UBND huyện Hải Lăng	5.669				5.669
		UBND huyện Cam Lộ	1.429				1.429
		UBND huyện Đakrông	15.280				15.280
		UBND huyện Hướng Hóa	9.880				9.880
		UBND huyện Gio Linh	8.469,735				8.469,735
		UBND huyện Vĩnh Linh	5.454				5.454
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	328				328
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Mã số CTMT: 0473)		23.939,275		4.241,275		19.698
3.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp		19.698				19.698
		UBND thành phố Đông Hà	844				844
		UBND thị xã Quảng Trị	395				395
		UBND huyện Triệu Phong	1.777				1.777
		UBND huyện Hải Lăng	2.385				2.385

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND huyện Cam Lộ	632				632
		UBND huyện Đakrông	6.755				6.755
		UBND huyện Hướng Hóa	3.317				3.317
		UBND huyện Gio Linh	2.081				2.081
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.512				1.512
3.2	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng		4.241,275		4.241,275		
		UBND thành phố Đông Hà	170		170		
		UBND thị xã Quảng Trị	94		94		
		UBND huyện Triệu Phong	407		407		
		UBND huyện Hải Lăng	486		486		
		UBND huyện Cam Lộ	151		151		
		UBND huyện Đakrông	1.572		1.572		
		UBND huyện Hướng Hóa	633		633		
		UBND huyện Gio Linh	389,275		389,275		
		UBND huyện Vĩnh Linh	339		339		
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã số CTMT: 0474)		45.505,99	35.961,71			9.544,28
4.1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		35.961,71	35.961,71			
-	Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo		19.768,71	19.768,71			
		Trường Cao đẳng kĩ thuật nghề	3.876	3.876			
		Trường Cao đẳng y tế	2.400	2.400			
		Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải	2.800	2.800			
		UBND thành phố Đông Hà	1.534	1.534			
		UBND thị xã Quảng Trị	1.295	1.295			
		UBND huyện Triệu Phong	1.641	1.641			
		UBND huyện Hải Lăng	1.641	1.641			
		UBND huyện Cam Lộ	1.295	1.295			
		UBND huyện Đakrông	2.245	2.245			
		UBND huyện Gio Linh	487,71	487,71			
		UBND huyện Vĩnh Linh	554	554			
-	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		16.193	16.193			
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.290	1.290			
		Trường Cao đẳng kĩ thuật nghề	470	470			
		UBND thành phố Đông Hà	1.748	1.748			

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND thị xã Quảng Trị	1.442	1.442			
		UBND huyện Triệu Phong	1.999	1.999			
		UBND huyện Hải Lăng	2.011	2.011			
		UBND huyện Cam Lộ	1.472	1.472			
		UBND huyện Đakrông	2.506	2.506			
		UBND huyện Hướng Hóa	2.564	2.564			
		UBND huyện Vĩnh Linh	691	691			
4.2	TDA2. Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		1.097				1.097
		UBND huyện Đakrông	1.097				1.097
4.3	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững		8.447,28				8.447,28
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2.068				2.068
		UBND thành phố Đông Hà	815				815
		UBND thị xã Quảng Trị	358				358
		UBND huyện Triệu Phong	858				858
		UBND huyện Hải Lăng	652				652
		UBND huyện Cam Lộ	440				440
		UBND huyện Đakrông	823				823
		UBND huyện Hướng Hóa	1.373				1.373
		UBND huyện Gio Linh	331,28				331,28
		UBND huyện Vĩnh Linh	729				729
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn hộ nghèo (Mã số CTMT: 0475)		36.100				36.100
		UBND huyện Đakrông	36.100				36.100
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã số CTMT: 0476)		16.392,605			16.392,605	
6.1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin		13.771			13.771	
		Sở Thông tin và Truyền thông	12.310			12.310	
		UBND thành phố Đông Hà	76			76	
		UBND thị xã Quảng Trị	39			39	
		UBND huyện Triệu Phong	159			159	
		UBND huyện Hải Lăng	168			168	
		UBND huyện Cam Lộ	56			56	
		UBND huyện Đakrông	346			346	
		UBND huyện Hướng Hóa	297			297	
		UBND huyện Gio Linh	164			164	
		UBND huyện Vĩnh Linh	135			135	
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	21			21	

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
6.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		2.621,605			2.621,605	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	511			511	
		Sở Tư pháp	134,605			134,605	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	100			100	
		Hội Cựu chiến binh	100			100	
		Tinh đoàn thanh niên	100			100	
		UBND thành phố Đông Hà	88			88	
		UBND thị xã Quảng Trị	42			42	
		UBND huyện Triệu Phong	185			185	
		UBND huyện Hải Lăng	198			198	
		UBND huyện Cam Lộ	66			66	
		UBND huyện Đakrông	403			403	
		UBND huyện Hướng Hóa	345			345	
		UBND huyện Gio Linh	192			192	
		UBND huyện Vĩnh Linh	157			157	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã số CTMT: 0477)		11.993,395	11.993,395			
7.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		7.413,395	7.413,395			
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	896	896			
		Sở Thông tin và truyền thông	45	45			
		Chi cục Phát triển nông thôn	350	350			
		Sở Y tế	325	325			
		Sở Tư pháp	315,395	315,395			
		Sở Xây dựng	60	60			
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	180	180			
		Hội Nông dân	170	170			
		Hội Cựu chiến binh	110	110			
		Tinh đoàn thanh niên	140	140			
		UBND thành phố Đông Hà	250	250			
		UBND thị xã Quảng Trị	117	117			
		UBND huyện Triệu Phong	527	527			
		UBND huyện Hải Lăng	564	564			
		UBND huyện Cam Lộ	188	188			
		UBND huyện Đakrông	1.144	1.144			
		UBND huyện Hướng Hóa	984	984			
		UBND huyện Gio Linh	545	545			
		UBND huyện Vĩnh Linh	448	448			

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	55	55			
7.2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá		4.580	4.580			
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.548	1.548			
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	220	220			
		Sở Y tế	140	140			
		Sở Tài chính	100	100			
		Chi cục Phát triển nông thôn	175	175			
		Sở Xây dựng	70	70			
		Sở Thông tin và truyền thông	100	100			
		Sở Tư pháp	30	30			
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	80	80			
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	110	110			
		Hội Nông dân	80	80			
		Hội Cựu chiến binh	70	70			
		Tỉnh đoàn thanh niên	70	70			
		UBND thành phố Đông Hà	93	93			
		UBND thị xã Quảng Trị	44	44			
		UBND huyện Triệu Phong	197	197			
		UBND huyện Hải Lăng	210	210			
		UBND huyện Cam Lộ	70	70			
		UBND huyện Đakrông	426	426			
		UBND huyện Hướng Hóa	366	366			
		UBND huyện Gio Linh	203	203			
		UBND huyện Vĩnh Linh	166	166			
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	12	12			

DỰ TOÁN PHÂN BỐ SAU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số : /NQ-HĐND ngày / /2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG		146.655	38.401	5.287	5.155	97.812
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (Mã số CTMT: 0471)		8.393				8.393
1.1	TDA 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		8.393				8.393
-	Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo		6.017				6.017
		UBND huyện Đakrông	6.017				6.017
-	Hoạt động 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.		2.376				2.376
		UBND huyện Hải Lăng	600				600
		UBND huyện Gio Linh	300				300
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	1.476				1.476
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Mã số CTMT: 0472)		40.938				40.938
		UBND thành phố Đông Hà	1.611				1.611
		UBND thị xã Quảng Trị	754				754
		UBND huyện Triệu Phong	3.391				3.391
		UBND huyện Hải Lăng	4.574				4.574
		UBND huyện Cam Lộ	1.206				1.206
		UBND huyện Đakrông	12.889				12.889
		UBND huyện Hướng Hóa	6.330				6.330
		UBND huyện Gio Linh	6.248				6.248
		UBND huyện Vĩnh Linh	2.883				2.883
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	1.052				1.052
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Mã số CTMT: 0473)		20.824		5.287		15.537
3.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp		15.537				15.537
		UBND thành phố Đông Hà	666				666
		UBND thị xã Quảng Trị	312				312

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND huyện Triệu Phong	1.402				1.402
		UBND huyện Hải Lăng	1.881				1.881
		UBND huyện Cam Lộ	498				498
		UBND huyện Đakrông	5.328				5.328
		UBND huyện Hướng Hóa	2.617				2.617
		UBND huyện Gio Linh	1.641				1.641
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.192				1.192
3.2	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng		5.287		5.287		
		UBND thành phố Đông Hà	229		229		
		UBND thị xã Quảng Trị	127		127		
		UBND huyện Triệu Phong	550		550		
		UBND huyện Hải Lăng	657		657		
		UBND huyện Cam Lộ	204		204		
		UBND huyện Đakrông	2.125		2.125		
		UBND huyện Hướng Hóa	856		856		
		UBND huyện Vĩnh Linh	459		459		
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	80		80		
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã số CTMT: 0474)		37.232	29.288			7.944
4.1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		29.288	29.288			
-	Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo		17.948	17.948			
		Trường Cao đẳng kỹ thuật nghề	10.618	10.618			
		Trường Cao đẳng y tế	4.830	4.830			
		Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải	2.500	2.500			
-	Hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp		11.340	11.340			
		Trường Cao đẳng kỹ thuật nghề	250	250			
		UBND thành phố Đông Hà	1.214	1.214			
		UBND thị xã Quảng Trị	1.001	1.001			
		UBND huyện Triệu Phong	1.387	1.387			
		UBND huyện Hải Lăng	1.396	1.396			
		UBND huyện Cam Lộ	1.021	1.021			
		UBND huyện Đakrông	1.740	1.740			
		UBND huyện Hướng Hóa	1.780	1.780			
		UBND huyện Gio Linh	275	275			
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.276	1.276			
4.2	TDA2. Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		831				831
		UBND huyện Đakrông	831				831
4.3	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững		7.113				7.113

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.737				1.737
		UBND thành phố Đông Hà	725				725
		UBND thị xã Quảng Trị	317				317
		UBND huyện Triệu Phong	763				763
		UBND huyện Hải Lăng	580				580
		UBND huyện Cam Lộ	391				391
		UBND huyện Đakrông	732				732
		UBND huyện Hướng Hóa	1.220				1.220
		UBND huyện Vĩnh Linh	648				648
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn hộ nghèo (Mã số CTMT: 0475)		25.000				25.000
		UBND huyện Đakrông	25.000				25.000
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã số CTMT: 0476)		5.155			5.155	
6.1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin		3.261			3.261	
		Sở Thông tin và Truyền thông	2.740			2.740	
		UBND thành phố Đông Hà	27			27	
		UBND thị xã Quảng Trị	13			13	
		UBND huyện Triệu Phong	57			57	
		UBND huyện Hải Lăng	61			61	
		UBND huyện Cam Lộ	20			20	
		UBND huyện Đakrông	126			126	
		UBND huyện Hướng Hóa	107			107	
		UBND huyện Gio Linh	59			59	
		UBND huyện Vĩnh Linh	49			49	
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	2			2	
6.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		1.894			1.894	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	300			300	
		Sở Tư pháp	52			52	
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	60			60	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	58			58	
		Hội Cựu chiến binh	50			50	
		Tỉnh đoàn thanh niên	100			100	
		UBND thành phố Đông Hà	66			66	
		UBND thị xã Quảng Trị	31			31	
		UBND huyện Triệu Phong	139			139	
		UBND huyện Hải Lăng	149			149	
		UBND huyện Cam Lộ	49			49	
		UBND huyện Đakrông	302			302	
		UBND huyện Hướng Hóa	260			260	

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND huyện Gio Linh	144			144	
		UBND huyện Vĩnh Linh	118			118	
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	16			16	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã số CTMT: 0477)		9.113	9.113			
7.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		4.822	4.822			
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	600	600			
		Chi cục Phát triển nông thôn	100	100			
		Sở Y tế	234	234			
		Sở Tư pháp	232	232			
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	344	344			
		Hội Nông dân	114	114			
		Hội Cựu chiến binh	80	80			
		Tỉnh đoàn thanh niên	70	70			
		UBND thành phố Đông Hà	159	159			
		UBND thị xã Quảng Trị	74	74			
		UBND huyện Triệu Phong	334	334			
		UBND huyện Hải Lăng	358	358			
		UBND huyện Cam Lộ	119	119			
		UBND huyện Đakrông	725	725			
		UBND huyện Hướng Hóa	624	624			
		UBND huyện Gio Linh	346	346			
		UBND huyện Vĩnh Linh	284	284			
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	25	25			
7.2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá		4.291	4.291			
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.272	1.272			
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150	150			
		Sở Y tế	125	125			
		Chi cục Phát triển nông thôn	100	100			
		Sở Xây dựng	40	40			
		Sở Thông tin và truyền thông	50	50			
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	90	90			
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	70	70			
		Hội Nông dân	50	50			
		Hội Cựu chiến binh	68	68			
		Tỉnh đoàn thanh niên	35	35			
		UBND thành phố Đông Hà	117	117			
		UBND thị xã Quảng Trị	55	55			
		UBND huyện Triệu Phong	247	247			
		UBND huyện Hải Lăng	264	264			

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND huyện Cam Lộ	88	88			
		UBND huyện Đakrông	534	534			
		UBND huyện Hướng Hóa	461	461			
		UBND huyện Gio Linh	255	255			
		UBND huyện Vĩnh Linh	210	210			
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	10	10			